Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8601.10.00

Mã HS	8601.10.00
Mô tả hàng hóa	Đầu máy di chuyển trên đường ray chạy bằng nguồn điện bên ngoài hoặc bằng ắc qui điện / - Loại chạy bằng nguồn điện bên ngoài
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:47:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16222
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16222
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16222
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15531
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15460
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15460
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15460
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15460
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15460
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15460
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15516
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15516
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15516

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15516
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15516
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15516
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15517
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15517
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15517
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15517
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15517
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15517
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15518
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15466
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15474
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15474
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15474
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15474
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15474
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15474
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15514
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15514
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15514
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15514
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15514
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15514
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15576
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15576
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15576

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15576
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15576
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15576
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15550
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15550
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15550
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15550
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15550
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15550
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15553
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15553
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15553
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15553
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15553
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15553
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15559
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15559
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15559
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15559
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15559
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15559
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15558
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15558
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15558
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15558
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15558

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15558
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15547
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15547
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15547
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15547
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15547
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15547
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15547
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15541
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15541
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15541
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15541
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15541
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15541
RCEP B	2022	2022	0	B!D15541
RCEP B	2023	2023	0	B!E15541
RCEP B	2024	2024	0	B!F15541
RCEP B	2025	2025	0	B!G15541
RCEP B	2026	2026	0	B!H15541
RCEP B	2027	2027	0	B!I15541
RCEP C	2022	2022	0	C!D15541
RCEP C	2023	2023	0	C!E15541
RCEP C	2024	2024	0	C!F15541
RCEP C	2025	2025	0	C!G15541
RCEP C	2026	2026	0	C!H15541
RCEP C	2027	2027	0	C!I15541

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15540
RCEP D	2023	2023	0	D!E15540
RCEP D	2024	2024	0	D!F15540
RCEP D	2025	2025	0	D!G15540
RCEP D	2026	2026	0	D!H15540
RCEP D	2027	2027	0	D!I15540
RCEP E	2022	2022	0	E!D15544
RCEP E	2023	2023	0	E!E15544
RCEP E	2024	2024	0	E!F15544
RCEP E	2025	2025	0	E!G15544
RCEP E	2026	2026	0	E!H15544
RCEP E	2027	2027	0	E!I15544
RCEP F	2022	2022	0	F!D15541
RCEP F	2023	2023	0	F!E15541
RCEP F	2024	2024	0	F!F15541
RCEP F	2025	2025	0	F!G15541
RCEP F	2026	2026	0	F!H15541
RCEP F	2027	2027	0	F!I15541
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14500
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14500
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14500
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14500

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8601.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8601.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16222), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.